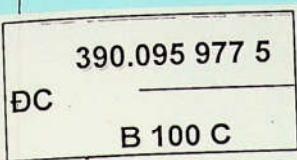


UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

SỞ VHTTDL ĐỒNG NAI  
BAN QUẢN LÝ DI TÍCH



## BÁO CÁO TỔNG HỢP

KẾT QUẢ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA  
TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH ĐỒNG NAI

Cơ quan chủ trì nhiệm vụ: Ban Quản lý Di tích Đồng Nai

Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS. TS Nguyễn Tri Nguyễn

Đồng chủ nhiệm : Lê Trí Dũng - Giám đốc Ban Quản lý Di tích

Đồng Nai, 2018

## BÁO CÁO TỔNG HỢP

### KẾT QUẢ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

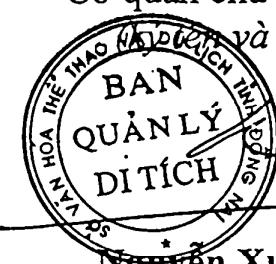
**GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA  
TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH ĐÔNG NAI**  
(Đã chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu ngày 05/12/2017)

Chủ nhiệm nhiệm vụ  
(ký tên)



Lê Trí Dũng

Cơ quan chủ trì nhiệm vụ  
(ký và đóng dấu)



Nguyễn Xuân Nam

000/ĐC/ VL 001677

Đồng Nai - 2018

## Mục lục

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI .....	4
LỜI CẢM ƠN.....	6
BẢNG VIẾT TẮT .....	7
PHẦN MỞ ĐẦU .....	8
1. Lý do chọn đề tài:.....	8
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài .....	9
3. Tính cấp thiết của đề tài: .....	12
4. Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng: .....	16
5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	17
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN CỦA ĐỀ TÀI....	20
1.1. Các khái niệm công cụ .....	21
1.1.1. Nông thôn mới (New Village) .....	21
1.1.2 Khái niệm Di sản văn hóa (Cultural Heritage).....	23
1.1.3. Khái niệm Bản sắc văn hóa (Cultural Identity).....	26
1.1.4. Quan điểm của xã hội học văn hóa về giá trị và giá trị văn hóa, giá trị văn hóa truyền thống .....	28
1.1.5 Vận dụng quan điểm giá trị vào xây dựng nông thôn mới ở nước ta	35
1.2. Tổng quan về nông thôn Nam bộ từ góc nhìn nhân học .....	37
1.2.1 Diện mạo nông thôn và nông dân Nam Bộ .....	38
1.2.2. Diễn trình nông thôn Nam Bộ qua các thời kỳ lịch sử.....	44
Tiểu kết.....	47
Chương 2. THỰC TRẠNG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở ĐỒNG NAI.....	48
2.1 Hiện trạng bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai .....	48
2.1.1 Công tác lập hồ sơ xếp hạng di tích .....	48
2.2.2 Công tác kiểm kê và quản lý di tích phổ thông.....	54
2.2.3 Công tác bảo quản, phục hồi, tu bổ, tôn tạo di tích.....	56

2.2.4 Công tác phòng cháy, chữa cháy .....	61
2.2.5 Công tác kiểm kê hiện vật và kiểm tra tại các di tích.....	61
2.2.6. Công tác tuyên truyền quảng bá, giới thiệu di tích và nghiên cứu khoa học.....	63
2.2 Thực trạng bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể ở Đồng Nai trong quá trình xây dựng nông thôn mới .....	67
2.2.1. Tiếng nói, chữ viết và ngữ văn dân gian của các tộc người .....	67
2.2.2. Di sản văn hóa làng .....	69
2.2.3. Nghệ thuật trình diễn dân gian .....	70
2.2.4. Lễ hội truyền thống.....	71
2.2.5. Tri thức dân gian.....	73
2.2.6. Tập quán xã hội .....	74
2.2.7. Nghề thủ công truyền thống .....	76
2.3. Đánh giá chung thực trạng quản lý di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.....	77
2.4 Tác động giữa công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa đối với việc xây dựng nông thôn mới .....	81
2.4.1 Tác động của quá trình công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa và đô thị hóa đối với nông thôn Đồng Nai .....	81
2.4.2 Xây dựng nông thôn mới trong quan hệ với bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa .....	86
2.4.3 Tác động công tác bảo tồn Di sản văn hóa gia đình và dòng họ trong xây dựng nông thôn mới .....	88
2.4.4. Những yếu tố tác động đến công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa ở Đồng Nai trong quá trình xây dựng nông thôn mới .....	93
Tiểu kết .....	97
<b>Chương 3. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở ĐỒNG NAI .....</b>	<b>99</b>
3.1 Định hướng giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong xây dựng nông thôn mới ở Đồng Nai.....	99
3.2 Nhóm giải pháp tổng thể. ....	105

3.2.1 Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa trong xây dựng nông thôn mới ở Đồng Nai.....	105
3.2.2 Giải pháp hoàn thiện cơ chế bảo tồn, vận hành và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể truyền thống cấp làng trong nông thôn mới.....	115
3.3 Nhóm giải pháp chuyên ngành .....	122
3.3.1 Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di tích .....	122
3.3.2 Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể .....	128
3.4 Nhóm giải pháp chuyên biệt.....	139
3.4.1 Giải pháp về quy hoạch không gian kiến trúc truyền thống cấp làng trong xây dựng nông thôn mới .....	139
3.4.2 Giải pháp bảo tồn và phát huy di sản văn hóa gia đình, dòng họ trong xây dựng nông thôn mới .....	150
3.4.3. Giải pháp nâng cao năng lực tổ chức lễ hội truyền thống trong nông thôn mới .....	156
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>165</b>
1. Kết luận.....	165
1.1 Nông thôn, văn hóa nông thôn và nông thôn mới .....	165
1.2 Di sản văn hóa ở nông thôn Đồng Nai trước thách thức của xu thế đô thị hóa.....	169
1.3 Tác động qua lại giữa bảo tồn di sản văn hóa và xây dựng nông thôn mới .....	172
2. Kiến nghị .....	173
2.1 Các nhóm giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Đồng Nai: .....	173
3. Tổng kết đề tài .....	175

## DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc (Số tháng quy đổi <sup>1</sup> )
1	PGS.TS Nguyễn Tri Nguyên	Khoa Văn hóa học, Đại học KHXH và NV TP Hồ Chí Minh.	Chủ nhiệm đề tài	24
2	Lê Trí Dũng	Giám đốc Ban Quản lý Di tích	Đồng chủ nhiệm đề tài	24
3	Lương Toàn Thắng	Phó Giám Đốc Ban Quản lý Di tích	Đại diện BQLDT	12
4	Lê Thị Loan	Kế toán trưởng Ban Quản lý Di tích	Quản lý tài chính của đề tài	24
5	PGS. TS. Cung Dương Hằng	Trưởng Khoa Mỹ thuật Ứng dụng đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	Viết chuyên đề	24
6	PGS.TS. Phan An	Viện phát triển bền vững Nam Bộ	Viết chuyên đề	12
7	TS. Phan Văn Dopp	Viện phát triển bền vững Nam Bộ	Tổng hợp, xử lý phiếu điều tra	12
8	TS. Nguyễn Văn Hiệu	Trưởng khoa Khoa Văn hóa học, KHXH và NV TP HCM	Viết chuyên đề	12
9	PGS.TS. Lê Thanh Sơn	Trưởng khoa Kiến trúc nội thất, ĐH Kiến trúc TP HCM	Viết chuyên đề	12
10	Ths. Cung Quảng Hà	Ủy ban nhân dân P. Tân Hung Thuận Q.12 Tp HCM	Viết chuyên đề	12

<sup>1</sup> Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng

11	Ths. Trần Thị Phương Trà	Công Ty xây dựng 5	Viết chuyên đề	12
12	TS. Đậu Thị Yến Tuyết	Trường khoa Văn hóa học, Trường ĐH. Văn hóa TP Hồ Chí Minh	Viết chuyên đề	12
13	Ths. Phan Dinh Dũng	Trường ĐH. Văn hóa TP Hồ Chí Minh	Viết chuyên đề	12
14	Ths. Lê Hồng Quyên	Trường ĐH. Văn hóa TP Hồ Chí Minh	Viết chuyên đề	12
15	Ths. Lê Thanh Tâm	Trường ĐH. Văn hóa TP Hồ Chí Minh	Viết chuyên đề	12
16	Ths. NCS. Hùynh Văn Sinh	Học viện chính trị	Viết chuyên đề	12
17	Phạm Văn Minh	Ban Quản lý Di tích	Viết báo cáo khoa học tổng kết đề tài	12
18	ThS Lê Minh Nhật	Trường ĐH Đồng Nai	Điều tra phiếu và viết báo cáo tổng kết	12
19	Nguyễn Xuân Nam	PGD Ban Quản lý Di tích	Điều tra phiếu	6
20	Nông Thị Thanh Vân	Ban Quản lý Di tích	Điều tra phiếu	12

## **LỜI CẢM ƠN**

Chúng tôi: nhóm chuyên gia và cán bộ Ban Quản lý Di tích tỉnh Đồng Nai xin chân thành cảm ơn UBND tỉnh Đồng Nai; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai; Quý ban ngành các cấp; chính quyền và nhân dân các địa phương đã và đang xây dựng nông thôn mới đã tạo điều kiện cho chúng tôi thực hiện hoàn thành đề tài này

*Tp. Biên Hòa, ngày 11 tháng 5 năm 2018*

**Nhóm tác giả đề tài**

## BẢNG VIẾT TẮT

1. NTM: Nông thôn mới
2. ĐN: Đồng Nai
3. PGS.TS: Phó giáo sư. Tiến sĩ
4. Ths: Thạc sĩ
5. DSVH: Di sản Văn Hóa
6. NT: Nông Thôn

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài:

Nông nghiệp, nông thôn và nông dân có vai trò to lớn từ trong quá trình lịch sử hình thành quốc gia dân tộc và trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Qua các giai đoạn cách mạng, nông dân luôn là lực lượng hùng hậu, trung thành nhất đi theo Đảng, góp phần làm nên những trang sử vẻ vang của dân tộc. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều Chỉ thị, Nghị quyết về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn, nâng cao đời sống của người nông dân. Trực tiếp và toàn diện nhất là Nghị quyết số 26, Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) về xây dựng nông thôn mới.

Nông thôn mới có thể khái quát theo 5 nội dung cơ bản:

Thứ nhất, đó là làng, xã văn minh, sạch đẹp, hạ tầng hiện đại;

Thứ hai, sản xuất phải phát triển bền vững theo hướng kinh tế hàng hóa;

Thứ ba, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân nông thôn ngày càng nâng cao;

Thứ tư, bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn;

Thứ năm, xã hội nông thôn an ninh tốt, quản lý dân chủ.

Mục tiêu của đề tài là tìm kiếm giải pháp và cơ chế bảo tồn di sản văn hóa trong quy hoạch và xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn bảo tồn với việc phát huy giá trị di sản trong cộng đồng, nâng cao nhận thức và sự hiểu biết cho người dân, coi đây là một tiêu chí cần được bổ sung nhằm triển khai nội dung Thứ tư: Bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn trong xây dựng nông thôn mới ở Đồng Nai đến năm 2025.

Tên đề tài được hội đồng thẩm định thuyết minh đề tài lần thứ hai là: "Giải pháp bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong nông thôn mới ở Đồng Nai." Theo góp ý của hội đồng chủ nhiệm đề tài đã họp các chuyên gia nhất trí bỏ chữ *mô hình* để tập trung nghiên cứu giải pháp, thêm chữ xây dựng để làm rõ nông thôn mới là một khái niệm đang hình thành và chưa ổn định.

## 2. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa là một lĩnh vực đã được nghiên cứu từ rất lâu với hàng loạt những công trình có giá trị. Trong Hội nghị quốc tế “*Bảo vệ di sản văn hóa vật thể và phi vật thể: Hướng đến Phương pháp tiếp cận tổng thể*” tổ chức tại Nara, Nhật Bản từ 19-23.10.2004, Tuyên bố Yamato về Phương pháp tiếp cận tổng thể trong bảo vệ di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đã được thông qua. Với bản Tuyên bố này, các quan niệm về di sản văn hóa đã được nhân loại định nghĩa cụ thể trên phương diện lý luận theo Công ước và Quy chế của UNESCO. Đây là những quan niệm cụ thể nhằm giúp nhận diện một cách đúng đắn khoa học hoa di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên thế giới.

Ở nước ta, nghiên cứu di sản văn hóa trước tiên phải kể đến công trình *Nam Văn hóa sử cương* của học giả Đào Duy Anh từ năm 1938 với quan điểm: “Ta muốn trở thành một nước cường thịnh về vật chất, vừa về tinh thần thì phải giữ văn hoá cũ (di sản) làm thẻ (gốc, nền tảng); mà lấy văn hoá mới làm dụng nghĩa là phải khéo điều hoà tinh tuý của văn hoá phương Đông với những điều sở trường về khoa học của văn hoá phương Tây”.

Năm 1997, Hoàng Vinh hoàn thành cuốn sách *Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc*. Trên cơ sở những quan niệm di sản văn hóa của quốc tế và Việt Nam, tác giả đã đưa ra một hệ thống lý luận về di sản văn hóa, đồng thời bước đầu vận dụng nghiên cứu di sản văn hóa nước ta. Năm 2002, Luật di sản văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành được coi là văn bản pháp quy về di sản văn hóa.

Trong sách *Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể* do Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch phát hành năm 2007, Ngô Đức Thịnh đã bàn đến Văn hóa phi vật thể: Bảo tồn và phát huy. Trưởng Ban Di sản phi vật thể Văn phòng UNESCO Paris - ông Rieks Smeets đã nghiên cứu về *Bối cảnh, nhận thức và quá trình xây dựng Công ước về bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể*. Tổng giám đốc ACCU - ông Sato Kunio đề cập đến *Các chương trình của ACCU và tầm nhìn về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể*. Hai nhà nghiên cứu Trung Quốc là Cố Quân và Uyễn Lợi nghiên cứu về

*Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể và những quy tắc nên theo.* Partrik J. Bolyan nghiên cứu *Di sản văn hóa phi vật thể, cơ hội và thách thức đối với Bảo tàng và công tác đào tạo cán bộ chuyên môn bảo tàng*.

Công trình *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa* do Bộ Văn hóa - Thông tin án hành (Hà Nội, 2006) đã tập hợp nhiều bài nghiên cứu về lý luận di sản văn hóa cũng như thực tiễn, có thể làm tư liệu nghiên cứu tốt cho đề tài. Trong đó tiêu biểu nhất là các bài: Khảo cổ học với công tác bảo vệ và phát huy di sản văn hóa (Vũ Quốc Hiền), Bảo tồn di tích, nhân tố quan trọng của phát triển bền vững (Lê Thành Vinh); Di tích lịch sử và văn hóa đồng bằng sông Hồng (Đặng Văn Bài); Bảo tồn, tôn tạo và xây dựng khu di tích lịch sử - văn hóa Đường Lâm (Phan Huy Lê)...

Sách *Giữ gìn, phát huy di sản văn hóa các dân tộc Tây Bắc* do NXB Văn hóa Dân tộc - Tạp chí Văn hóa nghệ thuật phát hành có thể giúp người đọc có thể nhận diện một số vấn đề lý luận về di sản văn hóa.

Trên Tạp chí Cộng sản số 20, năm 2003, Nguyễn Văn Huy đã có nhiều cố gắng nghiên cứu *Một số vấn đề bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa các dân tộc hiện nay*. Tác giả bài báo đã đề cập đến những vấn đề lý luận và thực tiễn của công tác bảo tồn phát huy di sản văn hóa trên phạm vi cả nước.

Cùng hướng nghiên cứu này, Ngô Phương Thảo viết bài *Bảo vệ di sản, cuộc chiến từ những góc nhìn* đăng ở Tạp chí Văn hóa nghệ thuật số 289 tháng 07/2008. Bài viết đã đề cập trực tiếp đến vấn đề bảo vệ di sản văn hóa hiện nay. Theo tác giả thì “Mỗi ngày, di sản văn hóa càng đối mặt với nhiều nguy cơ, xuất phát từ những hệ lụy của cuộc sống hiện đại. Cũng mỗi ngày, ý thức về trách nhiệm phải gìn giữ các giá trị văn hóa đã tồn tại với thời gian càng lan toả sâu rộng trong toàn xã hội, trong mỗi cộng đồng để dẫn tới những chương trình dự án ngày càng có hiệu quả hơn trong việc gìn giữ các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể”.

Như vậy, nhìn chung di sản văn hóa cũng như công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa đã được nghiên cứu một cách có hệ thống. Cũng có thể thấy từ những cách tiếp cận khác nhau, di sản văn hóa vẫn là đề tài được chú ý đến với

nhiều luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ hoàn thành mỗi năm.

Nông thôn mới là một khái niệm vừa được đặt ra trong một chủ trương lớn của Đảng và nhà nước ta trong chính sách xây dựng và phát triển nông thôn hiện nay. Nông thôn mới đang ở giai đoạn khởi đầu xây dựng với 19 chỉ tiêu trong tư tưởng chỉ đạo chưa hiện rõ hình hài thực tế của nó. Về lô gich hình thức, nông thôn dù mới đến đâu cũng vẫn phải nằm trong phạm trù là nông thôn mà chủ nhân của nó là người nông dân. Nó không phải là một bộ phận nông thôn được đô thị hóa. Do đó, nông thôn mới nhất thiết phải được xây dựng trên nền tảng của nông thôn truyền thống. Tuy nhiên, nông thôn mới phải là một sự tiến bộ theo hướng hiện đại hóa. Sự khác biệt giữa nông thôn mới và nông thôn truyền thống là ở chỗ nông thôn mới là một nông thôn có quy hoạch xây dựng của cộng đồng xã hội trong một thời điểm nhất định còn nông thôn truyền thống là di sản của một quá trình lịch sử mang nhiều yếu tố tự nhiên và tự phát. Nhưng nông thôn mới muốn không phát triển ra ngoài phạm trù nông thôn theo xu hướng đô thị hóa thì nó cần kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa của nông thôn truyền thống này.

Gần đây xuất hiện một số công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài như *Vai trò của văn hóa trong Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng* do Lê Quý Đức chủ biên (NXB Văn hóa Thông tin - Viện Văn hóa, Hà Nội xuất bản năm 2005). Đây là một công trình khảo sát khá sâu rộng công phu về văn hóa nông thôn đồng bằng sông Hồng, trong đó đề cập đến lĩnh vực di sản văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện nay.

Vũ Diệu Trung trong tham luận *Thực trạng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới ở khu vực miền núi phía bắc hiện nay* cũng đề cập đến việc bảo tồn di sản văn hóa trong bộ 19 tiêu chí của Nông thôn mới, với những vướng mắc nhất định ở các khu vực nông thôn mới vùng núi phía bắc.

Đặc biệt, khá nhiều bài báo cũng chỉ ra những bất cập trong các tiêu chí về văn hóa trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở nước ta hiện nay, nhưng đều chưa hệ thống, chưa có một cơ sở lý luận chung nhất. Vì xây dựng nông thôn mới

đang ở giai đoạn làm thí điểm. Qua sơ kết thành công hay bất cập cũng đang gây tranh cãi được phản ánh qua thông tin báo chí chưa công trình tổng kết và đề tài nghiên cứu tương tự. Do đó có thể nói đề tài: GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH ĐỒNG NAI là một đề tài hoàn toàn mới, chưa có những công trình nghiên cứu chuyên biệt và hệ thống nên chưa có cơ sở để dẫn lại và mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài.

Tuy nhiên những nghiên cứu cơ bản về di sản văn hóa trong đó có di sản văn hóa ở nông thôn nói chung và ở Đồng Nai nói riêng đã được công bố nhiều trong thời gian qua ví dụ những công trình điều tra đánh giá văn hóa truyền thống của các đề tài khoa học của tỉnh Đồng Nai thực hiện, đề tài sẽ tiếp nhận những thông tin hữu ích từ những công trình đó làm cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài.

### **3. Tính cấp thiết của đề tài:**

Có thể nói, nông thôn là một xã hội, là môi trường sống của người nông dân, nơi diễn ra các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội với nhiều nét đặc thù và nói gọn lại: đó không phải là đô thị (về không gian sống, về cấu trúc và tổ chức xã hội, về quan hệ con người và sinh kế) nhưng cũng không hoàn toàn đối lập với đô thị (nhất là về văn hóa). Thuật ngữ “phát triển nông thôn” được nhắc đến thường xuyên ở Việt Nam; nhưng, thế nào là phát triển nông thôn, nông thôn được xác định như thế nào thì còn có nhiều quan điểm chưa thực sự thống nhất. Do đó, việc đầu tư cho lĩnh vực này còn tình trạng “chắp vá”, dàn trải, thiếu tính kế thừa cho phát triển ổn định, bền vững. Ở nước ta từ nhiều năm, việc xác định vùng nông thôn chủ yếu dựa trên các đơn vị hành chính với chủ thể là lao động nghề nông, chưa tính đến xây dựng một nền kinh tế hàng hóa và các nội dung khác. Do vậy, việc đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa hợp lý và gặp không ít khó khăn. Và, trong xu thế hội nhập hiện nay, khoảng cách về mức sống của người

dân giữa nông thôn và thành thị ngày càng dãn xa; thu hẹp khoảng cách này không dễ chút nào.

Theo đánh giá của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới, sau gần hai năm thực hiện tại 11 xã điểm đã có những kết quả bước đầu. Tuy nhiên cũng còn nhiều vấn đề đặt ra cần giải quyết.

- Chưa có quy hoạch và quản lý có hiệu quả về khung chung nông thôn - đô thị, công nghiệp - nông nghiệp, về hạ tầng nông thôn nên đã dẫn đến khung gian nông thôn đang bị phá vỡ tại nhiều nơi, mất đi tính truyền thống, bản sắc văn hóa, mất cân bằng sinh thái, ô nhiễm môi trường gia tăng; truyền thống bị mai một.

- Kinh tế nông thôn phát triển nhưng thiếu tính bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Người dân thiếu việc làm ổn định, nghèo đói giảm chậm và có xu thế tái nghèo ở một số địa phương, một bộ phận dân cư còn sống dưới mức nghèo khổ.

Trong bối cảnh của sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và tỉnh Đồng Nai, “phát triển bền vững” không chỉ là mối quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên, mà chủ yếu là mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và văn hóa - xã hội. *Là một trong những trung tâm kinh tế - văn hóa động lực ở Đồng Nam Bộ Việt Nam, hiện nay các di sản văn hóa của tỉnh Đồng Nai ở nông thôn đang chịu nhiều thách thức trong quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa.*

Trong quá trình phát triển, ở Đồng Nai đã tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ cơ cấu nông nghiệp chiếm đa số (1985) sang cơ cấu “đẹp” năm 2008 (CNXD: 57,9%, DV: 31,5%, NLT: 10,6%), chuyển dịch hơn 8.500 ha đất nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp, diện mạo nông thôn được thay đổi căn bản, đời sống nông dân được cải thiện, nhưng đang đối diện với câu hỏi: Đời sống văn hóa của nông dân ở nông thôn, đặc biệt là của số hộ dân tái định cư do giao đất đã và sẽ biến đổi như thế nào thì không có cơ sở để đánh giá.

Mặt khác, trong quá trình biến đổi nông thôn một thời gian dài như thế, do trình độ quản lý quy hoạch chưa tốt, nhận thức không đầy đủ về di sản văn hóa ...

dẫn đến việc thu hẹp khuôn viên của các kiến trúc cổ, việc làm biến dạng thậm chí “giết chết” các không gian xanh, làm biến dạng kiến trúc các công trình cổ... mang lại cái lợi trước mắt nhưng đồng thời đã xóa bỏ linh hồn văn hoá của nông thôn hiện nay. Điều rất đáng lo ngại là sự biến đổi trong tình làng, nghĩa xóm, bàn thờ tổ tiên trong ngôi nhà tái định cư, lễ hội đình chùa ... nhiều khi, đó là lý do chính gây khó khăn trong việc đền bù giải tỏa, tái định cư chứ không phải lý do về tài chính (nhiều người không chịu về khu ở mới vì thiếu chỗ để bàn thờ, xa chùa, xa đình làng ...). *Thêm vào đó*, hệ thống luật pháp, chính sách bảo tồn di sản văn hóa chưa được phổ biến rộng rãi. Việc tuân thủ luật pháp của người dân, của các nhà đầu tư chưa tốt do chỉ nhìn thấy lợi ích kinh tế trước mắt. Do đó, việc đầu tư cho lĩnh vực này còn tình trạng “chắp vá”, dàn trải, thiếu tính kế thừa cho phát triển ổn định, bền vững.

*Trong quá trình xây dựng nông thôn mới, quy hoạch phải đi trước một bước, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành văn bản số 4051/UBND-CNN ngày 07 tháng 6 năm 2012 hướng dẫn và quy định về việc thực hiện, thẩm định, phê duyệt xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (gọi tắt là quy hoạch nông thôn mới).*

*Trong văn bản này, UBND tỉnh Đồng Nai nhấn mạnh nhân tố văn hóa truyền thống không chỉ ở không gian và kiến trúc mà còn coi trọng cả tập quán sinh hoạt, nếp sống... Có thể nói cả di sản văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể đều cần được tôn trọng trong quy hoạch và xây dựng nông thôn mới. Đó không chỉ là tu tưởng chỉ đạo mà còn là đề xuất yêu cầu từ thực tiễn Đồng Nai mà còn là mục tiêu và định hướng của tỉnh Đồng Nai về xây dựng nông thôn mới. Tỉnh Đồng Nai đã lãnh đạo xây dựng nông thôn phát triển bền vững với 33 nhóm chỉ tiêu từ trước khi có QĐ 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 về bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới của Thủ tướng Chính phủ. Trong tiêu chí xây dựng, có tiêu chí về xây dựng văn hoá. Trong tiêu chí văn hoá, còn thiên về xây dựng thiết chế mới. Giá trị di sản văn hoá vốn là bộ phận (quan trọng) cấu thành hệ thống giá trị văn hoá mới chưa được hướng dẫn rõ ràng. Việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân*

tộc đã được chú trọng thực hiện theo tinh thần các NQ Trung ương cần được vận dụng thực hiện trong xây dựng nông thôn mới như thế nào?. Đây là câu hỏi lớn cần được lý giải và thực hiện bằng giải pháp khoa học. Đề tài "Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong xây dựng nông thôn mới ở Đồng Nai" thuộc dạng đề tài nghiên cứu ứng dụng xuất phát từ thực tế, đáp ứng yêu cầu thực tiễn ở Đồng Nai.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa mạnh mẽ làm biến đổi nhanh giá trị di sản văn hóa, thay đổi cơ cấu nông thôn ở Đồng Nai. Đó chính là những vấn đề nổi cộm và bức xúc hiện nay trong bảo tồn di sản văn hóa truyền thống trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Đồng Nai đang đòi hỏi định hướng, giải pháp và cơ chế, trên cơ sở tổng điều tra di sản văn hóa nông thôn ở tỉnh Đồng Nai đã được thực hiện trong những năm qua; lập danh mục những di sản đã được công nhận, danh sách công trình cần được bảo tồn trong quy hoạch và xây dựng nông thôn mới. Giải quyết mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển là vấn đề quan trọng hiện nay của Đồng Nai trong xây dựng nông thôn mới.

Do đó, sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài chính là việc tìm kiếm định hướng, giải pháp bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong xây dựng nông thôn mới ở Đồng Nai cần được nghiên cứu đánh giá một cách sát thực và luận giải một cách khoa học. Đề tài thành công sẽ đóng góp cho địa phương những giải pháp khoa học gắn bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống với việc xây dựng nông thôn mới ở Đồng Nai, có thể bổ sung nội dung vào tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở Đồng Nai. Đây cũng là kinh nghiệm ứng biến của địa phương.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng:**

Các phương pháp được sử dụng trong đề tài là phương pháp nghiên cứu liên ngành dựa trên tài liệu về lịch sử, văn hóa, mỹ học, dân tộc học, địa lý, nghệ thuật học... để đưa ra những cơ sở lý thuyết và cái nhìn tổng quan cho vấn đề nghiên cứu. Đề tài còn sử dụng các phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp dựa trên

các nguồn tư liệu sách, báo, tạp chí, các trang web chuyên ngành, và khảo sát thực tế, phân tích xã hội học từ hiện trạng tại các huyện, xã, áp ở tỉnh Đồng Nai

- *Tập huấn* về phương pháp và kỹ năng điều tra và phân tích các kết quả điều tra XHH.

- *Tiến hành điều tra xã hội học*: Chia nhân viên điều tra thành các nhóm nhỏ (mỗi nhóm 3 người), hoạt động theo địa giới hành chính (thị, huyện) trong khoảng 30 ngày.

+ Các cuộc điều tra XHH thực hiện theo phương thức điều tra tại chỗ và trực tiếp thông qua việc đề nghị đối tượng trả lời theo bảng hỏi.

+ Tại mỗi địa bàn thị, huyện, căn cứ vào địa hình, dân cư, vị trí kinh tế xã hội để chọn ra ít nhất 10 điểm để tiến hành điều tra (10 huyện mỗi huyện 1 điểm)

+ Việc điều tra do mỗi nhóm 3 người, gồm ba cán bộ quản lý văn hóa (hoặc hai cán bộ quản lý và 01 nhân viên Ban Quản lý di tích) thực hiện.

+ Việc kiểm tra chéo được thực hiện với khoảng 10% trong tổng số phiếu phát ra.

- *Tập hợp, phân tích, đánh giá* các kết quả điều tra

- *Tổng hợp các kết quả để viết Báo cáo khoa học theo yêu cầu.*

#### ***Đối tượng điều tra:***

Cuộc điều tra được thực hiện đối với 1.000 người, trong đó bao gồm 9 đối tượng cụ thể sau đây:

+ Người cao tuổi trên 60

+ Người trung niên tuổi trên 45

+ Thanh niên tuổi trên 15

+ Thiếu niên dưới 15

+ Các chức sắc tôn giáo và dòng họ ở làng

+ Đại diện các tổ chức xã hội và quần chúng ở làng

+ Các cấp chính quyền của làng

+ Các cấp ủy Đảng ở làng

+ Một số đối tượng được lựa chọn ngẫu nhiên khác.

## **5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu chủ yếu của đề tài là những vấn đề xây dựng nông thôn mới có ảnh hưởng gì đến bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong xây dựng nông thôn mới.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là Nghiên cứu giải pháp nâng cao trình độ khoa học trong bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong xây dựng nông thôn mới.

Đánh giá thành tựu và hạn chế trong việc nghiên cứu khoa học chuyên sâu về văn hóa làng trong xây dựng nông thôn mới. Trên cơ sở đó, chính quyền từng địa phương cần khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi và tổ chức cho những nhà nghiên cứu khoa học trong và ngoài địa phương, của những bậc lão thành của làng nghiên cứu về văn hóa truyền thống của làng, xây dựng hệ thống các quy định, các nguyên tắc trong bảo vệ các di vật bên trong các di tích, nhất là các di vật quý... Tăng cường năng lực của các ban quản lý di tích bằng việc cử những người có uy tín, trách nhiệm và trình độ, trong việc tu bổ, nâng cấp, xây mới các công trình đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong cảnh quan chung của làng; giữ gìn được những nét đẹp cổ truyền; chú trọng sự tương xứng giữa nội dung và hình thức di tích; khuyến khích xây dựng những công trình với khuynh hướng phục cổ có văn hóa và khoa học.

*Đánh giá thành tựu và hạn chế của công đồng trong việc áp dụng giải pháp khoa học trong bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong xây dựng nông thôn mới.* Xây dựng mô hình liên kết giữa nhà khoa học, nhà quản lý, nhà tài trợ và nhân dân trong bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong xây dựng nông thôn mới.

Bảo đảm sự tương xứng giữa nội dung và hình thức, văn hóa, khoa học trong việc tu bổ, nâng cấp, xây mới các công trình kiến trúc trong các công trình kiến trúc trong xây dựng nông thôn

*Đánh giá thực trạng quy hoạch để bảo tồn và phát huy các di sản kiến trúc của làng trong mối quan hệ với phát triển kinh tế,* trong chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới của làng, khảo sát và đánh giá thực trạng đầu tư trong công tác bảo tồn, phục dựng những giá trị di sản kiến trúc của làng trên cả hai

phương diện: Bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể (phục dựng, tu bổ những di tích lịch sử đang có sự xuống cấp nghiêm trọng trong làng, tu bổ và bảo vệ những nhà thờ họ có tính chất nguyên mẫu); Trên cơ sở đó, xây dựng những mô hình quy hoạch tổng thể không gian kiến trúc nhằm phát triển kinh tế du lịch nông thôn đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho người dân (tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập kinh tế, đem đến một môi trường sinh hoạt lành mạnh).

*Nghiên cứu giải pháp bảo tồn, vận hành và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể cấp làng trong xây dựng nông thôn mới: Đánh giá thực trạng công tác quản lý di sản văn hóa, bảo vệ và khai thác phát huy các di tích. Bảo tồn những giá trị văn hóa phi vật thể (lưu giữ những nét đẹp cổ truyền trong sinh hoạt tín ngưỡng, trong phong tục tập quán của người dân; tổ chức và phục dựng lại một số trò chơi dân gian trong lễ hội truyền thống của làng); xây dựng hương ước hiện nay, xây dựng cộng đồng tự quản trong các thiết chế văn hóa cổ truyền, tạo cơ chế và nguồn lực tài chính và quản lý tiền công đức, tăng cường hoạt động tín ngưỡng và từ thiện, xây dựng mô hình du lịch nông thôn như một mô hình phát triển văn hóa bền vững.*

*Nghiên cứu giải pháp bảo tồn và phát huy di sản văn hóa gia đình và dòng họ trong xây dựng nông thôn mới:* Văn hóa gia đình và dòng họ có hai đặc điểm chủ yếu: là một thực thể xã hội sinh động mang tính cộng cảm từ tổ tiên chung, huyết thống chung; là một môi trường văn hóa đặc thù. Di sản văn hóa gia đình và dòng họ có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn văn hóa truyền thống trong xây dựng nông thôn mới. Thiết chế gia đình và dòng họ được tổ chức có ý thức ở bậc cao; và song hành với đó là quy luật thần linh hoá, huyền thoại hoá đối với dòng tộc, thể hiện qua việc lập tộc phả, làm từ đường, xây mộ tổ, di huấn truyền ngôn... Văn hóa dòng họ cần được nghiên cứu như một thực thể xã hội - văn hóa sống động và nghiên cứu xem xét giá trị văn hóa dòng họ như một tiêu hệ thống di sản văn hóa là một hướng thử nghiệm mới. Văn hóa gia đình và dòng họ trong quá trình hình thành, phát triển đã góp phần tạo nên bề dày truyền thống văn hóa cho dân tộc. Từ công tác đánh giá và quản lý hệ thống di sản văn hóa dòng họ,

một vấn đề đặt ra là: Cần có căn cứ khoa học để xây dựng một chiến lược quản lý văn hóa dòng họ phù hợp với thực tại. Khơi mở sâu thêm những giá trị văn hóa truyền thống để mang đến cái nhìn đúng về chân giá trị của nó, đồng thời nhận diện để hạn chế những mặt tiêu cực, lạc hậu của sinh hoạt và tư duy dòng tộc xưa, nay.

## **Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN CỦA ĐỀ TÀI**

*Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020* là một trong những Chương trình mục tiêu Quốc gia của nước ta, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/06/2010. Đây là chương trình lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, gắn liền với tầm nhìn chiến lược xây dựng *một nước Việt Nam giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh* như đã được khẳng định trong nhiều nghị quyết, cương lĩnh, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đây cũng là chương trình đánh dấu bước nhận thức mới và quyết tâm mới của Đảng và Nhà nước ta về tính tất yếu của việc xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Một chương trình chiến lược lớn gắn với những mục tiêu quốc gia về kinh tế - văn hóa - xã hội đòi hỏi được nghiên cứu tổng hợp trên nhiều bình diện, từ nhiều chuyên ngành, trong đó việc xác định các khái niệm công cụ để làm cơ sở lý luận chung và định hướng nghiên cứu chuyên sâu các nội dung chính của chương trình chiến lược là yêu cầu có tính phương pháp luận. Đối với nội dung khảo sát đánh giá di sản văn hóa để từ đó đề ra các giải pháp có tính khoa học và khả thi nhằm bảo tồn và phát huy trong quá trình xây dựng nông thôn mới, việc xác lập một số khái niệm công cụ từ góc nhìn Văn hóa học đóng vai trò quan trọng.

Trong quá trình xác lập khái niệm, chúng tôi sẽ tránh đi quá sâu vào lý luận có tính hàn lâm mà hướng nhiều hơn đến *tính chất công cụ* của khái niệm để phục vụ cho việc khảo sát thực tiễn, nhìn nhận và đánh giá di sản để tìm ra những giải pháp phù hợp.

### **1.1. Các khái niệm công cụ**

#### **1.1.1. Nông thôn mới (New Village)**

Quan điểm về *nông thôn mới* ở nước ta đã có từ năm 2001 khi cả nước triển khai thí điểm *Đề án mô hình nông thôn mới cấp xã theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa* do Ban Kinh tế Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát

triển nông thôn chỉ đạo để làm cơ sở cho việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm (2006 - 2010) của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp<sup>2</sup>. Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 chính là bước tiếp theo của quan niệm của Đảng và Nhà nước ta về nông nghiệp, nông thôn, nông dân và văn hóa nông thôn trong tình hình mới, hướng đến mục tiêu năm 2020 nước ta về cơ bản là một nước công nghiệp.

Đến nay tuy chưa có định nghĩa chính thức từ góc độ khoa học, nhưng tiếp cận từ góc độ chính sách, *nông thôn mới* về cơ bản được hiểu là nông thôn có “kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa”<sup>3</sup>.

Từ góc nhìn trên, có thể thấy quá trình xây dựng nông thôn mới *thực chất là quá trình hiện đại hóa nông thôn, từng bước cải tạo, nâng cấp và xây dựng nông thôn hiện có theo mô hình mới với những tiêu chí mới*, được cụ thể hóa thành 11 nội dung, từ quy hoạch đến phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội<sup>4</sup>, sao cho đời sống của người dân ở nông thôn được ngày càng được nâng cao cả về vật chất lẫn tinh thần. Trong quá trình hiện đại hóa đó, nhất là trên bình diện văn hóa tinh thần, tất yếu phải giải quyết mối quan hệ giữa lạc hậu và tiến bộ, giữa truyền thống và hiện đại, giữa bảo tồn và phát huy..., đòi hỏi phải có những khảo sát, những nghiên cứu công phu trên quan điểm khoa học. Chính vì vậy, bên cạnh tiếp cận từ góc độ chính sách, *nông thôn mới* cần được tiếp cận từ góc độ văn hóa học, xem xây dựng

<sup>2</sup> Quyết định số 1421/QĐ-BNN-HTX ngày 16/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

<sup>3</sup> Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình xây dựng nông thôn mới

<sup>4</sup> Xem thêm Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình xây dựng nông thôn mới

nông thôn mới trước hết phải là xây dựng một *mô hình mới* xét trong quan hệ với *mô hình đô thị* lẫn *mô hình nông thôn cũ*.

Nếu xem mô hình là tổng thể những đặc điểm, cấu trúc tạo thành một kiểu tổ chức theo các tiêu chí và hệ tiêu chí nhất định thì nông thôn mới trong chính sách của Đảng và Nhà nước có những tiêu chí được xác định khá rõ so với nông thôn cũ, và tất nhiên là với đô thị.

Trong quan hệ với đô thị, tiêu chí hàng đầu của nông thôn mới trước hết phải là... nông thôn với mật độ dân số không cao, sản xuất cơ bản là nông nghiệp và chủ nhân của nó là nông dân, quan hệ xã hội đơn giản, thiên về cơ giới (mechanical) hơn là hữu cơ (organic). Cấu trúc cơ bản của nông thôn vẫn phải là “tam nông” gồm nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Trong quan hệ với “nông thôn cũ” hay nông thôn truyền thống, nông thôn mới, qua các tiêu chí được xác định trong Chương trình mục tiêu quốc gia, có những đặc điểm nổi bật:

Trước hết, đó là nông thôn được quy hoạch với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; làng xã văn minh, sạch đẹp, môi trường sinh thái được bảo vệ;

Thứ hai, có cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ, nói chung là sản xuất theo hướng kinh tế hàng hóa;

Thứ ba, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng nâng cao;

Thứ tư, xã hội nông thôn an ninh, trật tự, ổn định và dân chủ;

Thứ năm, bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn, phát huy.

Từ góc độ văn hóa học, có thể thấy đó cũng là *mô hình văn hóa mới* với các bộ phận, thành tố thuộc văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần hòa quyện, quan hệ tương tác thành một hệ thống - chỉnh thể, đòi hỏi khi xây dựng nông thôn mới phải được tiến hành đồng bộ, có kế hoạch và có lộ trình hợp lý.

### **1.1.2 Khái niệm Di sản văn hóa (Cultural Heritage)**

Theo cách hiểu thông dụng, *di sản* là “sản nghiệp của người chết để lại”<sup>5</sup>; hoặc theo nghĩa rộng hơn và trên bình diện lịch sử - xã hội, *di sản* là tài sản của thế hệ này truyền lại cho thế hệ khác, gồm truyền thống lịch sử, tiếng nói, phong tục, tập quán, kể cả những công trình kiến trúc, các tác phẩm văn học, điêu khắc, tri thức và kinh nghiệm do các thế hệ trước tích lũy được.

Trên bình diện khoa học, theo Bùi Hoài Sơn, thuật ngữ di sản trước đây được kết tinh vào khái niệm “di tích lịch sử” và đến năm 1983 Hội nghị Di sản Toàn quốc Anh đã định nghĩa di sản: “Đó là những gì thuộc thế hệ trước giữ gìn và chuyển giao cho thế hệ hiện nay và những gì mà một nhóm người quan trọng trong xã hội hiện nay mong muốn chuyển giao cho thế hệ tương lai”<sup>6</sup>. Bùi Hoài Sơn dẫn lời Herbert cho rằng định nghĩa này chỉ ra rằng di sản là sự lựa chọn về mặt văn hóa<sup>7</sup>.

Trên cơ sở cách hiểu chung từ góc độ khoa học về di sản và trên cơ sở phân loại của UNESCO về văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể, Luật Di sản văn hóa Việt Nam ban hành qua các kỳ (từ 2001) đều nhất quán định nghĩa “di sản văn hóa”: Di sản văn hóa, gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể, “là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác”.

Cũng trên định hướng cách hiểu của UNESCO về “di sản văn hóa phi vật thể” (intangible cultural heritage) và “di sản văn hóa vật thể” (tangible cultural heritage), Luật Di sản văn hóa của nước ta qua các kỳ cũng đều nhất quán xác định:

<sup>5</sup> Đào Duy Anh, *Từ điển Hán – Việt*, NXB Khoa học xã hội, 2001, trang 204.

<sup>6</sup> Bùi Quang Thắng (chủ biên), *30 thuật ngữ nghiên cứu văn hóa*, NXB Khoa học xã hội, 2008, trang 78.

<sup>7</sup> Bùi Quang Thắng (chủ biên), sách đã dẫn, trang 78.

*Di sản văn hóa phi vật thể* là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng tái tạo và được lưu truyền.

*Di sản văn hóa vật thể* là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm di tích lịch sử- văn hóa, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, danh lam thắng cảnh.

Cách xác định như trên cho thấy Luật Di sản văn hóa nhấn mạnh đến các đặc trưng nổi bật của văn hóa thể hiện kết tinh qua di sản, đó là tính lịch sử, tính giá trị và sự thể hiện được nét bản sắc của cộng đồng sáng tạo ra nó. Trên cơ sở này, cùng với các quy định và hướng dẫn cụ thể trong Luật Di sản văn hóa, người nghiên cứu có thể tiến hành khảo sát, phân loại, đánh giá các loại di sản để phục vụ cho công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản.

Cụ thể hơn, văn hóa vật thể là những dạng thức văn hóa tồn tại ổn định trong không gian và thời gian, có hình thể, có thể nhìn thấy và sờ mó được, có tính biểu trưng và tồn tại khách quan đối với chủ thể sáng tạo ra nó. Đây là tiểu hệ các giá trị do con người sáng tạo và tích luỹ bằng hoạt động biến đổi tự nhiên, tồn tại dưới dạng vật chất cụ thể, có thể nhận biết bằng các giác quan, bao gồm những loại giá trị như đồ vật, nhà cửa, đình chùa, đèn miếu, lăng mộ, v.v.. Còn văn hóa phi vật thể, theo Bùi Quang Thắng, “tiềm ẩn trong trí nhớ của con người, chỉ khi nó được khách thể hóa thì người ta mới nhận biết được các hình thái biểu trưng của nó” và xét về mặt hình thái, bao gồm các thành tố<sup>8</sup>:

- Các hình thái được biểu thị thông qua các dấu hiệu ngôn ngữ nói (văn chương, hò vè, tục ngữ, ca dao truyền miệng).
- Các hình thái được biểu thị thông qua các dấu hiệu âm thanh (ca, nhạc).
- Các hình thái được biểu thị thông qua các hành vi, ứng xử của con người (phong tục, tập quán,).

---

<sup>8</sup> Bùi Quang Thắng, *Hành trình vào văn hóa học*, NXB Văn hóa - Thông tin, 2003, trang 170 - 171.

- Các hình thái được biểu thị thông qua những dấu hiệu lai pha (ví dụ lẽ - tết - hội,...)

Nhìn chung, từ cách hiểu văn hóa và phân loại văn hóa, có thể xác định được phạm vi, đặc điểm, tiêu chí của các loại di sản văn hóa phục vụ cho những mục đích khác nhau, trong đó có việc bảo tồn và phát huy.

Gắn với việc khảo sát, nhận diện các loại di sản văn hóa là công tác quản lý, bảo tồn và phát huy di sản. Hiện có những quan điểm lý thuyết khác nhau về quản lý di sản, trong đó nổi bật là hai quan điểm:

- Quan điểm bảo tồn nguyên vẹn: xem di sản là sản phẩm của quá khứ, chưa đựng những giá trị văn hóa - xã hội nhất định, nên cần phải giữ như nó vốn có.

- Quan điểm bảo tồn trên cơ sở kế thừa: cho rằng di sản còn tồn tại trong thời gian hiện tại thì di sản đó cần phát huy giá trị văn hóa - xã hội phù hợp.

Hai quan điểm trên đều có cơ sở khoa học và đều có ưu, nhược riêng. Ở một góc độ nào đó, hai quan điểm trên không mâu thuẫn nhau, một mặt có thể bảo tồn nguyên vẹn nếu có đầy đủ điều kiện và xác định được các yếu tố nguyên gốc, mặt khác, có thể phát huy các giá trị của di sản trong mối quan hệ với các hoạt động khác như giáo dục, du lịch văn hóa..., tất nhiên theo hướng này đòi hỏi nhiều ở trình độ, cách thức tổ chức, quản lý của những người và cơ quan có trách nhiệm.

Xây dựng nông thôn mới với tư cách là xây dựng một mô hình mới, như đã nêu trên, tất yếu phải động đến di sản và vấn đề bảo tồn, phát huy các giá trị di sản. Tuy nhiên trong Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới lại không thấy có đề cập đến vấn đề di sản văn hóa và bảo tồn và phát huy di sản văn hóa. Rất cần những nhà chuyên môn có ý kiến đối với Đảng và Nhà nước về vấn đề này để bổ sung cho chính sách và thực hiện trong giai đoạn mới.

### **1.1.3. Khái niệm Bản sắc văn hóa (Cultural Identity)**

Một trong những điều làm nên giá trị của di sản văn hóa là tính độc đáo, thể hiện rõ nét bản sắc của một cộng đồng. Lâu nay ở Việt Nam vẫn có hiện tượng

tiếp cận khái niệm “bản sắc văn hóa” từ góc độ từ nguyên, xem “bản” nghĩa là gốc, “sắc” là màu sắc và “văn hóa” là những gì có giá trị, từ đó hiểu “bản sắc văn hóa” là những giá trị cốt lõi, bền vững, không hoặc ít thay đổi. Quan niệm như trên dễ dẫn đến sự hời hợt, siêu hình trong tiếp cận và nghiên cứu văn hóa, dễ đồng nhất văn hóa với những gì là xưa cũ, cá biệt và nói như Trần Đình Sử, thuật ngữ “bản sắc” hiểu như vậy “ít nhiều mang ý vị bảo thủ”<sup>9</sup>.

Thực ra, “bản sắc” trong tiếng Việt với tư cách là một thuật ngữ vốn được dịch từ thuật ngữ identity (tiếng Anh; tiếng Pháp: Identité). Điều đáng lưu ý là nội hàm của hai thuật ngữ này được hiểu khác nhau dẫn đến có các cách tiếp cận khác nhau, nhất là dễ dẫn đến sự không thể hiểu nhau trong trao đổi học thuật.

Giới học giả phương Tây, và cả ở nhiều nước ngoài phương Tây, quan niệm “identity” là căn cước, là căn tính của một cá nhân hay của một cộng đồng, thiên về cảm thức chủ quan, sở thuộc. Để tìm căn tính/bản sắc (identity) là trả lời các câu hỏi tôi/chúng tôi là ai, thuộc về đâu trong mối quan hệ so sánh với kẻ khác, cộng đồng khác. Hoặc có thể như quan niệm của Chris Baker, vừa chú ý đến cảm thức chủ quan lẫn chú ý đến bình diện khách quan: “Khám phá bản sắc nghĩa là tìm hiểu: chúng ta nhìn nhận bản thân như thế nào và những người khác nhìn thấy chúng ta như thế nào?”<sup>10</sup>.

Trong khi đó, ở Việt Nam khi nói đến bản sắc/ bản sắc văn hóa thường nói đến bản sắc văn hóa dân tộc và đó thường là những giá trị truyền thống hoặc những đặc điểm nổi bật, thiên về bình diện khách quan. Chẳng hạn định nghĩa “bản sắc văn hóa” của Hà Văn Tấn, xem đó là những giá trị cốt lõi, được cộng đồng chấp nhận: “Bản sắc văn hóa dân tộc là hệ thống các giá trị văn hóa mà mỗi dân tộc chấp nhận (...). Mỗi dân tộc có một bản sắc văn hóa riêng gồm những giá

<sup>9</sup> Trần Đình Sử, “Về bản sắc dân tộc trong văn học Việt Nam”, trong *Lý luận và phê bình văn học*, Nxb Hội nhà văn, 1996, trang 185.

<sup>10</sup> Chris Barker, Chris Barker 2011, *Nghiên cứu văn hóa: Lý thuyết và thực hành*, (Đặng Tuyết Anh dịch), Nxb. Văn hóa thông tin, 2011: trang 298

trị phù hợp với nó, kể cả những giá trị trung tính (neuter)”<sup>11</sup>. Hoặc như cách hiểu của Dương Trung Quốc, xem bản sắc là đặc trưng. Ông viết: “Theo tôi, ý niệm ‘đặc trưng’ có thể hiểu như ‘bản sắc’ là những yếu tố có tính cách tiêu biểu nhất, phổ biến nhất, giúp chúng ta ‘nhận dạng’ được văn hóa Việt Nam, hay tính cách con người Việt Nam so với nền văn hóa hay tính cách con người của các dân tộc khác”<sup>12</sup>.

Quan niệm của Đảng và Nhà nước ta về bản sắc văn hóa cũng chủ yếu thiên về giá trị và xác định phải xây dựng một nền văn hóa Việt Nam “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” (Nghị quyết Trung ương 5 khóa 8). Trong các chủ trương, chính sách về xây dựng nông thôn mới, Đảng và Nhà nước cũng nói đến “bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn, phát huy” nhưng không đưa ra tiêu chí cụ thể hoặc cách hiểu bản sắc văn hóa vận dụng vào trường hợp xây dựng nông thôn mới.

Nghiên cứu bản sắc văn hóa nói chung, trong trường gắn với các yêu cầu và mục tiêu của xây dựng nông thôn mới nói riêng, theo chúng tôi, cần chú ý đến cả bình diện chủ quan lẫn khách quan, giá trị lẫn các đặc trưng nổi bật có tính khu biệt cộng đồng. Trong quá trình khảo sát, nhận diện và thẩm định, đánh giá di sản văn hóa, bên cạnh những giá trị kết tinh trong di sản, những đặc trưng nổi bật của di sản nói lên tính sáng tạo và cái riêng của một cộng đồng, cần chú ý đến vai trò của di sản đối với nhận thức và cảm thức của cộng đồng - một trong những thước đo về tính giá trị của bản sắc và khuyến khích được người dân giữ gìn và phát huy di sản của chính mình.

---

<sup>11</sup> Hà Văn Tấn, “Bản sắc văn hóa Việt cổ”, trong *Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam*, NXB Hội nhà văn, 2005, trang 153.

<sup>12</sup> Dương Trung Quốc, “Bản sắc văn hóa dân tộc - Những cơ sở lịch sử”, trong *Văn hóa Việt Nam đặc trưng và cách tiếp cận*, NXB Giáo dục, 2001, trang 138.

#### **1.1.4. Quan điểm của xã hội học văn hóa về giá trị và giá trị văn hóa, giá trị văn hóa truyền thống**

Tương tự như quan niệm về văn hóa, quan niệm về giá trị của xã hội học và xã hội học văn hóa hầu như không khác gì nhiều so với quan niệm về giá trị của nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn khác, cụ thể là với ngành gần của xã hội học là nhân học.

Nhìn chung, khái niệm giá trị trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn có thể được hiểu chung nhất là “cái khả ao ước trong đời sống của một cộng đồng xã hội, một nhóm hay một cá nhân”<sup>13</sup>. Theo cách hiểu này, giá trị có cơ sở khách quan của nó. Những sản phẩm vật chất và tinh thần, hay một khách thể nào đó có giá trị nhất định mới có thể trở thành cái khả ao ước của một cộng đồng, một nhóm hay một cá nhân. Tuy nhiên, về cơ bản, hầu hết các nhà nghiên cứu đều nhấn mạnh đến yếu tố chủ thể và tính chủ quan của chủ thể trong quan niệm về giá trị. Theo J.Sepanski, nhà bác học Ba Lan, nguyên là Chủ tịch Hội Xã hội học quốc tế, giá trị thể hiện ở “bất cứ đối tượng nào, vật chất hay tinh thần, đối tượng thực tế hay tưởng tượng, mà đối với nó, cá nhân hay nhóm có một cách đánh giá nhất định và quy cho nó vai trò quan trọng trong đời sống của mình và xem sự cố gắng chiếm hữu nó là một tất yếu”<sup>14</sup>.

Cũng trên tinh thần đó, Ngô Đức Thịnh định nghĩa:

“Giá trị là hệ thống những đánh giá mang tính chủ quan của con người về bất cứ một hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy theo hướng những cái đó là cần, là tốt, là hay, là đẹp, nói theo cách của các nhà triết học phương Tây một thời, đó chính là những cái được con người cho là chân, thiện, mỹ, giúp khẳng định và nâng cao bản chất người. Một khi những nhận thức giá trị ấy đã hình thành và định hình thì nó chi phối cách suy nghĩ, niềm tin, hành vi, tình cảm của con người”<sup>15</sup>.

<sup>13</sup> Đoàn Văn Chúc, “Giá trị xã hội”, trong Bùi Quang Thắng (cb), *30 thuật ngữ nghiên cứu văn hóa*, NXB Khoa học xã hội, 2008, trang 117.

<sup>14</sup> Dẫn theo Mai Văn Hai (chủ biên), Mai Kiêm, sđd, trang 115.

<sup>15</sup> Ngô Đức Thịnh (chủ biên), *Giá trị văn hóa Việt Nam: Truyền thống và biến đổi*, NXB Chính trị quốc gia, 2014, trang 2.